

Số: 07 /TB-HĐTD

Long Biên, ngày 07 tháng 02 năm 2023

THÔNG BÁO

V/v kiểm tra, đính chính dữ liệu của người đăng ký dự tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2022

Thực hiện Quyết định số 9448/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND quận Long Biên về việc phê duyệt chỉ tiêu và Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc quận Long Biên năm 2022; Thông báo số 842/TB-UBND ngày 15/12/2022 của UBND quận Long Biên về việc tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc quận Long Biên năm 2022,

Từ ngày 17/12/2022 đến 15/01/2023, Tổ tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển đã tiếp nhận 539 phiếu đăng ký dự tuyển của thí sinh gồm:

- Khối mầm non: 26 phiếu
- Khối tiểu học: 165 phiếu
- Khối THCS: 348 phiếu

Để đảm bảo chính xác dữ liệu đăng ký thi tuyển, tránh những sai sót có thể xảy ra trước khi báo cáo UBND quận phê duyệt danh sách đủ tiêu chuẩn điều kiện dự thi, Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Long Biên đề nghị các thí sinh dự thi rà soát lại toàn bộ các trường dữ liệu, đặc biệt là nội dung về ngành, chuyên ngành đào tạo, vị trí đăng ký dự tuyển, đơn vị đăng ký dự tuyển, diện ưu tiên.

Nếu có sai sót cần phải đính chính (*so với phiếu đăng ký dự tuyển đã nộp*), thí sinh làm đơn theo mẫu kèm theo thông báo này và mang theo Căn cước công dân đến phòng Nội vụ quận Long Biên (*Số 01, phố Vạn Hạnh, khu đô thị Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội*) để đối chiếu, điều chỉnh. Hội đồng tuyển dụng không đính chính đối với các trường hợp bổ sung, thay đổi thông tin so với phiếu đăng ký dự tuyển đã nộp.

Thời gian tiếp nhận đơn đề nghị đính chính: **từ ngày 07/02/2023 đến hết 10 giờ 00 phút ngày 10/02/2023.**

Quá thời gian trên nếu các thí sinh không có ý kiến khác được hiểu là thống nhất với các thông tin trong danh sách tại Thông báo này.

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Long Biên căn cứ thông tin trong danh sách đã công khai, kết quả thẩm định phiếu đăng ký dự tuyển và ý kiến đánh giá của các thí sinh (nếu phù hợp) để trình Chủ tịch UBND quận ban hành Quyết định phê duyệt danh sách thí sinh đủ tiêu chuẩn, điều kiện tham dự vòng 2 - kỳ tuyển dụng viên chức giáo dục quận Long Biên năm 2022 và thực hiện quy trình tuyển dụng viên chức theo quy định./. *th*

Nơi nhận:

- Các thí sinh;
- Lưu. (05)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Đinh Thị Thu Hương

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐÍNH CHÍNH THÔNG TIN ĐĂNG KÝ
THI TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2022

Kính gửi: Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Long Biên

Tên tôi là:

Ngày sinh:

Số CCCD/CMND:

Ngày//, tôi đã nộp phiếu đăng ký dự tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc quận Long Biên năm 2022,

Vị trí dự tuyển:

Đơn vị dự tuyển:

Sau khi xem danh sách tổng hợp đăng ký dự thi kèm theo Thông báo số 07/TB-HĐTD của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Long Biên về việc kiểm tra, đính chính dữ liệu của người đăng ký dự tuyển viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục trực thuộc UBND quận Long Biên năm 2022, tôi thấy có nội dung sau chưa đúng so với phiếu đăng ký dự tuyển tôi đã nộp và đề nghị Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Long Biên kiểm tra, đính chính:

STT trong danh sách	Nội dung tại danh sách tổng hợp	Đề nghị đính chính lại theo phiếu đăng ký dự tuyển

Tôi xin cam đoan những lời khai trên của tôi là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

Biểu 1a

**HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VCGD QUẬN LONG BIÊN**
DANH SÁCH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2022 - KHỐI MẦM NON

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên
1	Nguyễn Quỳnh	Anh	29/7/1998	Nữ	Võng La, Đông Anh	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Cự Khối	
2	Nguyễn Thị Kim	Anh	21/7/1996	Nữ	Quang Tiến, Sóc Sơn	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Cự Khối	
3	Nguyễn Thị Thủy	Linh	30/11/1995	Nữ	Cự Khối, Long Biên	CD	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Cự Khối	
4	Phan Thị	Phương	28/11/1987	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	CD	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Cự Khối	
5	Đào Thị Thu	Trang	25/10/1990	Nữ	Cự Khối, Long Biên	CD	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Cự Khối	
6	Dương Thị Hồng	Hải	12/12/1987	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	CD	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương	
7	Hà Thị Thanh	Hoài	26/11/1999	Nữ	Trung Mầu, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương	
8	Trần Thị Thu	Huyền	12/9/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương	
9	Nguyễn Phương	Linh	30/7/2001	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương	
10	Nguyễn Thị	Nụ	20/02/1989	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương	
11	Nguyễn Bích	Vân	25/7/1992	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Hướng Dương	
12	Nguyễn Thị	Hiền	16/10/1994	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm mầm non	GV	MN	0	Hoa Thủy Tiên	
13	Hoàng Thị	Huệ	27/02/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Thủy Tiên	
14	Nguyễn Minh	Nguyệt	14/6/1996	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Thủy Tiên	
15	Phạm Minh	Phương	07/9/1995	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Thủy Tiên	
16	Đoàn Thị Như	Quỳnh	19/9/2001	Nữ	Quảng Ninh	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Thủy Tiên	
17	Bùi Thị	Thủy	10/01/1987	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Thủy Tiên	
18	Thạch Lan	Hương	23/11/1999	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai	
19	Nguyễn Thị	Lành	18/8/1987	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai	
20	Trần Thu	Thảo	20/7/1999	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai	
21	Lê Thị Thu	Trà	21/4/1999	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai	
22	Phùng Thị Tường	Vi	28/12/1998	Nữ	Hưng Yên	CD	CQ	Song ngành Giáo dục mầm non - Công tác xã hội	GV	MN	0	Nắng Mai	
23	Phan Thanh	Xuân	05/01/1996	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	CD	CQ	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Nắng Mai	
24	Nguyễn Thị	Hanh	09/8/1997	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Việt Hưng	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
25	Nguyễn Thị Lan	Hương	28/10/1995	Nữ	Đông Dư, Gia Lâm	Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời	VHVL	Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Cự Khối	
26	Nguyễn Thị Tuyết	Mai	23/3/1997	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH		Giáo dục mầm non	GV	MN	0	Hoa Thủy Tiên	

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VCGD QUẬN LONG BIÊN

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2022 - KHỐI TIỂU HỌC

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
1	Nguyễn Thu	Hiền	08/9/1996	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Đoàn Kết	
2	Nguyễn Thị Thúy	Nga	31/10/1996	Nữ	Láng Thượng, Đống Đa	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh; Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Lê Quý Đôn	
3	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/01/1992	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	TX	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	1	Lê Quý Đôn	
4	Phùng Thị Vân	Anh	15/4/1989	Nữ	Phúc Xá, Ba Đình	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	1	Việt Hưng	
5	Ngô Thị	Nga	08/5/1989	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Việt Hưng	
6	Nguyễn Thị Thu	Thúy	01/4/1999	Nữ	Đại Nghĩa, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	1	Việt Hưng	
7	Nguyễn Đăng Thành	Công	19/12/1997	Nam	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Huấn luyện thể thao; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	GDTC	1	Giang Biên	
8	Phạm Văn	Giáp	24/4/1994	Nam	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Giang Biên	
9	Nguyễn Thanh	Tùng	02/12/1996	Nam	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Huấn luyện thể thao; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	GDTC	1	Giang Biên	
10	Nguyễn Việt Trung	Anh	01/7/1995	Nam	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Thanh Am	
11	Lê Hoàng	Dũng	21/9/1997	Nam	Quảng Ninh	Ths; ĐH	CQ	Giáo dục học; Giáo dục thể chất	GV	GDTC	1	Thanh Am	
12	Nguyễn Thị Hồng	Bốn	07/8/1983	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	TC	Công nghệ thông tin; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Tin	1	Giang Biên	CTB
13	Nguyễn Thị Thu	Hiền	07/11/1982	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Công nghệ thông tin; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Tin	1	Vũ Xuân Thiều	
14	Phùng Thị Lan	Phương	27/02/1979	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Kế toán; Chứng chỉ Thư viện	NV	TV	1	Đức Giang	
15	Trần Thị	Trọng	05/9/1989	Nữ	Đông Xuân, Sóc Sơn	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	1	Đức Giang	
16	Lưu Thiên	Trang	22/10/1992	Nữ	Long Biên, Long Biên	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	1	Long Biên	CTB
17	Nguyễn Thị	Nghĩa	30/12/1985	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	TC	CQ	Kế toán; Chứng chỉ Thư viện	NV	TV	1	Lý Thường Kiệt	
18	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/3/1992	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	CĐ	CQ	Khoa học thư viện	NV	TV	1	Lý Thường Kiệt	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
19	Võ Thị	Nhung	27/9/1991	Nữ	Nghệ An	TC	VHVL	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	1	Vũ Xuân Thiều	
20	Nguyễn Nam	Son	12/8/1999	Nam	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Quản trị kinh doanh; Chứng chỉ Thư viện	NV	TV	1	Vũ Xuân Thiều	
21	Nguyễn Thị Thùy	Trang	04/6/1993	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	1	Vũ Xuân Thiều	
22	Nguyễn Phương	Anh	29/6/1999	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Bồ Đề	
23	Nguyễn Ngọc	Anh	28/8/1997	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Bồ Đề	
24	Phạm Thùy	Dương	15/10/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Bồ Đề	
25	Nguyễn Thị Thu	Huyền	29/11/1997	Nữ	Đồng Tâm, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Bồ Đề	
26	Nguyễn Ngọc	Minh	18/8/2000	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học (hệ chất lượng cao)	GV	TH	1	Bồ Đề	
27	Nguyễn Thúy	Nga	28/01/1994	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Bồ Đề	
28	Trương Minh	Phương	28/9/1998	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Bồ Đề	
29	Lưu Thị Hồng	Tươi	30/8/1999	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Bồ Đề	
30	Lê Phương	Thảo	17/12/1997	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Bồ Đề	
31	Đặng Thị Ngọc	Xuyến	11/6/1999	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Bồ Đề	
32	Nguyễn Thúy	Anh	07/9/1995	Nữ	Đức Hòa, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đoàn Kết	
33	Nguyễn Tâm	Anh	06/12/1995	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đoàn Kết	
34	Hoàng Ngọc	Ánh	04/10/1997	Nữ	Kiến Hưng, Hà Đông	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đoàn Kết	
35	Lưu Lan	Hương	30/8/1999	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	TH	1	Đoàn Kết	
36	Nguyễn Phương	Linh	05/9/2000	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đoàn Kết	
37	Đào Thanh	Nhân	03/9/1994	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đoàn Kết	
38	Trần Yến	Nhi	25/3/1997	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đoàn Kết	
39	Phí Thu	Trang	20/3/2000	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học - Sư phạm Tiếng Anh	GV	TH	1	Đoàn Kết	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên
40	Lê Thị Thủy	Trang	27/6/1995	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đoàn Kết	
41	Nguyễn Hồng	Nhung	25/4/1997	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đức Giang	
42	Bùi Bích	Phương	06/4/1998	Nữ	Hải Bối, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đức Giang	
43	Trương Thị	Sáng	13/10/1997	Nữ	Kim Nỗ, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đức Giang	
44	Lưu Thị	Tâm	06/02/1998	Nữ	Tiên Dương, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đức Giang	
45	Phạm Văn	Tùng	09/7/1996	Nam	Kiều Ky, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đức Giang	
46	Nguyễn Anh	Thơ	14/8/1998	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đức Giang	
47	Nguyễn Phương	Thủy	09/3/1998	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đức Giang	
48	Nguyễn Lê Giang	Thương	01/3/1998	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đức Giang	
49	Nguyễn Thị Hải	Vân	22/5/1998	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Đức Giang	
50	Văn Thủy	An	31/7/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Gia Quất	
51	Nguyễn Thị Xuân	Hương	11/02/2000	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Gia Quất	
52	Hoàng Thục	Linh	04/7/2000	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Gia Quất	
53	Nguyễn Huyền	Thi	12/4/1998	Nữ	Kiều Ky, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Gia Quất	
54	Nguyễn Thị Thu	Thủy	19/3/1995	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Gia Quất	
55	Dương Quỳnh	Trang	13/12/1995	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Gia Quất	
56	Nguyễn Kim	Chi	17/9/1999	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Giang Biên	
57	Dương Ngọc	Linh	07/7/1998	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Giang Biên	
58	Lê Khánh	Linh	26/11/1998	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Giang Biên	
59	Nguyễn Phương	Mai	13/11/1999	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Giang Biên	
60	Nguyễn Quang	Huy	25/4/2000	Nam	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Hy Vọng	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
61	Nguyễn Thị Thu	Thảo	14/5/1996	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Hy Vọng	
62	Lê Thị Ngọc	Anh	21/12/1995	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
63	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/5/1998	Nữ	Phù Đồng, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
64	Quách Ngọc	Huyền	22/12/1999	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
65	Lê Hoài	Phương	12/9/1997	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
66	Đàm Thu	Phương	07/01/1999	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
67	Dương Thị Kim	Quỳnh	24/11/1998	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
68	Mai Thu	Thủy	15/3/1998	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
69	Nguyễn Ngọc	Thủy	25/11/1998	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
70	Đỗ Quỳnh	Trang	03/10/2000	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
71	Nguyễn Lâm	Uyên	24/12/2000	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
72	Nguyễn Thị	Hiền	18/4/1999	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Long Biên	
73	Đỗ Thị Khánh	Huyền	11/8/1994	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Long Biên	
74	Nguyễn Thùy	Linh	06/5/1995	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Long Biên	
75	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12/11/1995	Nữ	Tương Mai, Hoàng Mai	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Long Biên	
76	Nguyễn Thị Thu	Thảo	15/9/1994	Nữ	Tiền Phong, Mê Linh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Long Biên	
77	Nguyễn Thị Thu	Thảo	03/11/1990	Nữ	Khâm Thiên, Đống Đa	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Long Biên	
78	Lê Thị Thanh	Hà	05/9/1998	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lý Thường Kiệt	
79	Nguyễn Hồng	Hà	19/6/2000	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lý Thường Kiệt	
80	Lê Thị Ngọc	Mai	28/7/1998	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lý Thường Kiệt	
81	Lê Thị	Nhung	12/3/1994	Nữ	Hải Bối, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lý Thường Kiệt	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
82	Hoàng Thị Kim	Tuyển	14/6/1995	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lý Thường Kiệt	
83	Đào Thị Thu	Thảo	19/7/1999	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lý Thường Kiệt	
84	Nguyễn Thị	Trang	25/9/1998	Nữ	Kiều Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lý Thường Kiệt	
85	Tạ Thị Minh	Anh	13/4/1983	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
86	Trần Thị Ngọc	Ánh	14/3/1999	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
87	Nguyễn Thị Kim	Cúc	30/3/1999	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
88	Nguyễn Thùy	Dung	17/3/1999	Nữ	Phương Tú, Ứng Hòa	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học chất lượng cao	GV	TH	1	Phúc Đồng	
89	Nguyễn Thị	Hậu	25/8/1998	Nữ	Lê Chi, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
90	Hoàng Thị Minh	Hòa	24/4/1998	Nữ	Phù Đồng, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
91	Lê Thị Ngọc	Lâm	12/4/1990	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
92	Nguyễn Bảo	Ly	16/12/1994	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
93	Nguyễn Thị Hồng	Nhâm	21/3/1992	Nữ	Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
94	Nguyễn Thảo	Phương	31/7/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
95	Trần Hoài	Tú	29/10/1998	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
96	Lê Thị	Thảo	14/7/1994	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
97	Bùi Hồng	Thủy	27/8/1997	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
98	Nguyễn Thùy	Trang	11/10/1997	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Đồng	
99	Nguyễn Thị Hương	Giang	16/8/1999	Nữ	Mai Dịch, Cầu Giấy	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
100	Nguyễn Thị Thủy	Hà	04/4/1997	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
101	Nguyễn Thị	Hiền	06/3/1988	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
102	Lâm Thị	Hường	12/8/1994	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
103	Nguyễn Thùy	Linh	01/4/1998	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
104	Nguyễn Thị Hương	Ly	19/6/1987	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
105	Nguyễn Khánh	Ly	14/12/1998	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
106	Vũ Thị	Mai	23/5/1993	Nữ	Yên Bái	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
107	Ngô Hà	My	07/9/1999	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
108	Tạ Phương	Nhi	30/4/1997	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
109	Nguyễn Thị Minh	Thu	02/7/1997	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
110	Lê Huyền	Trang	13/7/1999	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
111	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	24/8/1996	Nữ	Phù Đổng, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	
112	Hoàng Thị	Trang	24/10/1992	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Phúc Lợi	CTB
113	Nguyễn Thị	Hậu	28/11/1998	Nữ	Lê Chi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn A	
114	Ngô Thị Bích	Hồng	13/8/1993	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn A	
115	Trần Anh	Thư	26/3/1998	Nữ	Phủ Thi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn A	
116	Đặng Thị Hồng	Trang	31/7/1994	Nữ	Đa Tồn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn A	
117	Trịnh Thu	Trang	30/10/1999	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn A	
118	Nguyễn Thị Thu	Hà	03/7/1987	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn B	
119	Nguyễn Thị	Luyên	06/8/1998	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn B	
120	Nguyễn Hồng	Nhung	09/10/1996	Nữ	Đa Tồn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn B	
121	Nguyễn Thị	Quỳnh	07/02/1998	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn B	
122	Lê Thị Thu	Thảo	13/12/1997	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thạch Bàn B	
123	Nguyễn Ngọc	Huyền	10/7/1997	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thanh Am	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
124	Phạm Ngọc	Huyền	17/02/1996	Nữ	Phú Châu, Ba Vì	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thanh Am	
125	Hà Nhật	Lê	06/3/1999	Nữ	Văn Khê, Mê Linh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thanh Am	
126	Nguyễn Thúy	Mừng	13/02/1997	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thanh Am	
127	Trần Thị	Thắm	23/12/1999	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thanh Am	
128	Nguyễn Thị Thu	Trang	02/12/1999	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Thanh Am	
129	Lương Thị Thu	Hà	13/9/1997	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Việt Hưng	
130	Nguyễn Thanh	Huyền	26/7/1998	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Việt Hưng	
131	Nguyễn Thị Thu	Phương	02/10/2000	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Việt Hưng	
132	Dương Thị Thanh	Thảo	14/4/1999	Nữ	Trung Mẫu, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Việt Hưng	
133	Nguyễn Hà	Thu	01/9/1999	Nữ	Yên Phụ, Tây Hồ	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Việt Hưng	
134	Nguyễn Thị Huyền	Trang	09/7/1997	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Việt Hưng	
135	Nguyễn Thu	Trang	22/5/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Việt Hưng	
136	Đinh Thị Quỳnh	Anh	05/9/1995	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Vũ Xuân Thiều	
137	Trần Thị Phương	Anh	01/12/1998	Nữ	Yên Bái	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Vũ Xuân Thiều	
138	Tổng Thị Minh	Lý	20/9/1996	Nữ	Tiên Phương, Chương Mỹ	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Vũ Xuân Thiều	
139	Bùi Thị Minh	Nguyệt	15/01/1998	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Vũ Xuân Thiều	
140	Nguyễn Ngọc	Thương	12/5/1996	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Vũ Xuân Thiều	
141	Dương Thị Kim	Chi	22/12/1991	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	CQ	Hệ thống điện; Chứng chỉ hành chính - Văn thư - Lưu trữ	NV	VT	1	Thạch Bàn B	
142	Trần Thị	Lê	02/8/1993	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Lưu trữ học và quản trị văn phòng	NV	VT	1	Thạch Bàn B	DTTS
143	Lưu Quỳnh	Ngân	07/4/1987	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Lưu trữ học và quản trị hành chính văn phòng	NV	VT	1	Thạch Bàn B	
144	Nguyễn Thị Anh	Phương	03/02/1996	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Sư phạm giáo dục quốc phòng; Chứng chỉ Văn thư lưu trữ	NV	VT	1	Thạch Bàn B	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
145	Lưu Thanh	Hương	09/8/1990	Nữ	Hàng Đào, Hoàn Kiếm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Bồ Đề	
146	Lại Thị Thu	Hà	16/10/1998	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Bồ Đề	
147	Nguyễn Phương	Hiền	25/01/1996	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Đoàn Kết	
148	Vũ Thu	Nga	18/9/1999	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Đức Giang	
149	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	01/02/1998	Nữ	Minh Khai, Bắc Từ Liêm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Đức Giang	
150	Nguyễn Khánh	Huyền	30/6/1998	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Gia Quất	
151	Hoàng Thu	Trang	24/5/1994	Nữ	Uy Nỗ, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Gia Quất	
152	Nguyễn Thùy	Dương	29/8/1994	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV		1	Giang Biên	
153	Vương Hồng	Ngọc	12/6/1998	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV		1	Lê Quý Đôn	
154	Nguyễn Giang	Anh	11/11/1998	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV		1	Lê Quý Đôn	
155	Nguyễn Thị Nhật	Lệ	04/7/1996	Nữ	An Khánh, Hoài Đức	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV	TH	1	Lê Quý Đôn	
156	Phạm Thị Tuyết	Lan	01/7/1984	Nữ	Quang Trung, Hà Đông	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV		1	Phúc Lợi	
157	Phùng Thị	Thảo	20/6/1995	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Phúc Lợi	
158	Đinh Thu	Huyền	08/8/1998	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Phúc Lợi	
159	Nguyễn Thị Thanh	Vân	02/6/1996	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV		1	Phúc Lợi	
160	Đặng Thị Trà	Giang	17/3/1998	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Thạch Bàn A	
161	Đinh Thị Bích	Ngọc	24/9/1998	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Giáo dục tiểu học	GV		1	Thạch Bàn A	
162	Vũ Thị	Nga	29/6/1979	Nữ	Yên Hòa, Cầu Giấy	ĐH	VHVL	Tiểu học	GV		1	Thạch Bàn B	
163	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	08/9/1983	Nữ	Văn Chương, Đống Đa	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Việt Hưng	
164	Lê Thùy	Linh	13/7/1998	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục tiểu học	GV		1	Vũ Xuân Thiều	
165	Nguyễn Thị	Ngoan	19/7/1990	Nữ	Thái Nguyên	ĐH	VHVL	Sư phạm giáo dục tiểu học	GV	TH	1		DTTS

HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
VCGD QUẬN LONG BIÊN

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ DỰ TUYỂN VIÊN CHỨC GIÁO DỤC NĂM 2022 - KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên
1	Hoàng Hoài	Anh	31/5/1993	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Bồ Đề	
2	Hoàng Thị Mỹ	Linh	13/10/1997	Nữ	Văn Quán, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Bồ Đề	
3	Doãn Đức	Phương	14/6/1986	Nam	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Bồ Đề	CTB
4	Đàm Thanh	Quyên	16/9/1988	Nữ	Đống Lũ, Ứng Hòa	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Bồ Đề	
5	Tạ Hà	Thảo	09/9/1994	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Bồ Đề	
6	Bùi Thị Huyền	Trang	23/9/1991	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Bồ Đề	
7	Dương Thị	Trang	20/10/1993	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Bồ Đề	
8	Nguyễn Thị	Trang	17/12/1999	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Bồ Đề	
9	Đào Thị Ngọc	Bích	25/10/1997	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Cự Khối	
10	Hoàng Thị Thu	Hương	13/9/1991	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	Ths; ĐH	CQ	Phương pháp lý luận và giảng dạy Tiếng Anh; Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Cự Khối	
11	Nguyễn Thị Tú	Anh	27/02/1992	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Lê Quý Đôn	
12	Nguyễn Thùy	Dung	23/12/1998	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Lê Quý Đôn	
13	Nguyễn Thị	Ngọc	29/02/1992	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Lê Quý Đôn	
14	Nguyễn Thị	Oanh	07/10/1988	Nữ	Giang Biên, Long Biên	Ths; ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Tiếng Anh Sư phạm	GV	Anh	2	Lê Quý Đôn	
15	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	28/8/1989	Nữ	Hữu Hòa, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Lê Quý Đôn	
16	Lê Thị Vân	Anh	22/09/1998	Nữ	Tri Trung, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy	
17	Đào Thúy	Hà	09/4/1997	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy	
18	Kiều Thúy	Hằng	23/7/1999	Nữ	Vạn Thắng, Ba Vì	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy	
19	Nguyễn Thị	Huyền	31/12/1987	Nữ	Chu Minh, Ba Vì	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
20	Ngô Hương	Ly	30/06/1994	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy	
21	Lưu Thị Thanh	Minh	02/08/1988	Nữ	Nam Định	Ths	CQ	Lý luận phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy	
22	Đào Bích	Ngọc	06/3/1999	Nữ	Vân Hà, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy	
23	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/7/1997	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Ngọc Thụy	
24	Nguyễn Danh	Chính	25/06/1997	Nam	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Bình Khiêm	
25	Nguyễn Thị	Định	14/5/1988	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Bình Khiêm	
26	Nguyễn Thị Thu	Hằng	18/10/1993	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Nguyễn Bình Khiêm	
27	Nguyễn Dịu	Linh	18/8/1999	Nữ	Vĩnh Hưng, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Bình Khiêm	
28	Bùi Thị Thanh	Tâm	18/3/1990	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Nguyễn Bình Khiêm	
29	Vũ Thị Hoài	Thu	08/12/1996	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Bình Khiêm	
30	Trần Thị Thu	Thủy	10/02/1999	Nữ	Hà Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Nguyễn Bình Khiêm	
31	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	07/01/1995	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Sài Đồng	
32	Hoàng Thị	Hiền	29/9/1991	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Sài Đồng	
33	Huỳnh Minh	Phương	03/02/1999	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Sài Đồng	
34	Phạm Huyền	Trang	20/3/2000	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Sài Đồng	
35	Vũ Thị	Vui	21/01/1995	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Sài Đồng	
36	Đỗ Minh	Phương	06/11/2000	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Thanh Am	
37	Hàn Hà Thu	Trang	03/9/1994	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thanh Am	
38	Nguyễn Quỳnh	Anh	15/6/2000	Nữ	Đông Anh, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thượng Thanh	
39	Nguyễn Thị Thu	Hiền	09/10/1992	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thượng Thanh	
40	Phạm Thị	Huệ	08/11/1980	Nữ	Thịnh Liệt, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Tiếng Anh; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Thượng Thanh	
41	Đào Ngọc	Lợi	20/03/1993	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Ngôn ngữ Anh; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Anh	2	Thượng Thanh	NVQS

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
42	Doãn Thị	Nga	21/5/1989	Nữ	Xuân Khanh, Sơn Tây	ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thượng Thanh	
43	Nguyễn Thị	Nhàn	12/12/1989	Nữ	Xuân Canh, Đông Anh	ThS; ĐH	CQ	Sư phạm Tiếng Anh; Biên phiên dịch Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thượng Thanh	
44	Lại Ngọc	Ánh	27/02/1997	Nữ	Phủ Xuyên, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Bồ Đề	
45	Nguyễn Thị	Đàn	25/02/1991	Nữ	Hải Dương	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Bồ Đề	
46	Dương Thị	Hạnh	03/10/1999	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Giang Biên	
47	Đào Thanh	Thanh	09/01/1996	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Phúc Lợi	
48	Lê Thị Ngọc	Yến	22/4/1997	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Địa lý	GV	Địa	2	Phúc Lợi	
49	Phạm Phương	Trang	31/12/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	GV	GD CD	2	Lê Quý Đôn	
50	Nguyễn Thu	Thúy	27/9/1999	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	GV	GD CD	2	Nguyễn Bình Khiêm	
51	Bùi Thị	Luyến	25/07/1989	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	CQ	Giáo dục chính trị - Giáo dục quốc phòng	GV	GD CD	2	Phúc Lợi	
52	Nguyễn Thị Thu	Huyền	10/8/1995	Nữ	Tân Hưng, Sóc Sơn	ĐH	VHVL	Giáo dục chính trị	GV	GD CD	2	Thanh Am	
53	Nguyễn Thị	Mến	01/07/1991	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Giáo dục công dân	GV	GD CD	2	Thanh Am	
54	Phạm Thị	Miến	13/02/1982	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Giáo dục chính trị	GV	GD CD	2	Ngọc Thụy	
55	Lý Tú	Linh	08/09/2000	Nữ	Cống Vị, Ba Đình	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Bồ Đề	
56	Hoàng Văn	Ngọc	24/9/1986	Nam	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Bồ Đề	
57	Ngô Hữu	Đông	03/8/1988	Nam	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Giang Biên	NVQS
58	Nguyễn Quy	Mạnh	18/4/1994	Nam	Bắc Ninh	ThS; ĐH	CQ	Giáo dục học (Giáo dục thể chất); Huấn luyện thể thao	GV	GD TC	2	Giang Biên	
59	Dương Mạnh	Hùng	18/01/1995	Nam	Thái Bình	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Ngọc Thụy	CĐHH
60	Lại Thị	Thêm	04/5/1990	Nữ	Thượng Vực, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Huấn luyện thể thao; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	GD TC	2	Ngọc Thụy	CTB
61	Nguyễn Việt	Trường	18/03/2000	Nam	Xuân Canh, Đông Anh	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Ngọc Thụy	
62	Dương Thị	Nhài	02/9/1996	Nữ	Bắc Giang	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Phúc Lợi	
63	Nguyễn Tiến	Anh	02/11/1999	Nam	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Giáo dục thể chất	GV	GD TC	2	Sài Đồng	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
64	Nguyễn Thúy	Hằng	03/8/1998	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
65	Đặng Thanh	Huyền	18/12/1993	Nữ	Tiền Phương, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
66	Nguyễn Thị Thanh	Hương	05/3/1993	Nữ	Tân Lĩnh, Ba Vì	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
67	Đỗ Quỳnh	Hương	29/01/1999	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
68	Vũ Thị	Khuê	05/01/1996	Nữ	Thanh Liệt, Thanh Trì	Ths; ĐH	CQ	Hóa vô cơ; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
69	Nguyễn Thị Phương	Liên	30/01/1994	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
70	Ngô Thị Thùy	Linh	29/12/1999	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
71	Đào Thị	Mai	08/11/1995	Nữ	Liên Châu, Thanh Oai	Ths; ĐH	CQ	Hóa hữu cơ; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
72	Hoàng Phương	Mai	28/02/1996	Nữ	Phượng Tú, Ứng Hòa	ĐH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
73	Hoàng Hải	Nguyên	01/01/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
74	Hoàng Thị	Nhung	27/4/1992	Nữ	Nam Định	Ths; ĐH	CQ	Hóa hữu cơ; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
75	Nguyễn Thị	Nhung	24/4/1997	Nữ	Thanh Hóa	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
76	Phạm Minh	Phương	28/9/1999	Nữ	Kiều Ky, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
77	Phạm Hà	Phương	09/3/1995	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
78	Hoàng Thanh	Tâm	23/7/1995	Nữ	Thạch Xá, Thạch Thất	ĐH	CQ	Hóa học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm Khoa học tự nhiên cấp THCS	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	CTB
79	Trần Thị Thanh	Tâm	10/5/1993	Nữ	Hoàng Liệt, Hoàng Mai	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
80	Phạm Thị	Thảo	21/9/1998	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
81	Nguyễn Thị	Thúy	02/9/1983	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
82	Đoàn Thị	Vui	17/4/1997	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Bỏ Đề	
83	Nguyễn Thị Kim	Anh	27/10/1991	Nữ	Đồng Xuân, Hoàn Kiếm	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lý Thường Kiệt	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
84	Nguyễn Văn	Công	24/3/1997	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lý Thường Kiệt	
85	Nguyễn Thị Bích	Diệp	05/6/1991	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lý Thường Kiệt	
86	Nguyễn Nhị	Hà	20/09/1992	Nữ	Vạn Phúc, Hà Đông	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lý Thường Kiệt	
87	Phùng Nguyệt	Hà	02/01/2000	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lý Thường Kiệt	
88	Ninh Thị	Hiền	23/11/1993	Nữ	Đông Anh, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lý Thường Kiệt	
89	Vũ Thị Ngọc	Lan	10/4/1999	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lý Thường Kiệt	
90	Phạm Thu	Thúy	12/03/1990	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa	GV	Hóa	2	Lý Thường Kiệt	
91	Phạm Thủy	Trang	05/8/1997	Nữ	Đa Tồn, Gia Lâm	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Lý Thường Kiệt	
92	Nguyễn Thị Mai	Anh	18/12/1999	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
93	Nguyễn Đức	Anh	22/8/1995	Nam	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
94	Nguyễn Thị	Dương	17/12/1997	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
95	Nguyễn Thu	Giang	24/7/2000	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
96	Nguyễn Thị	Hậu	26/12/1997	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
97	Nguyễn Thị Hà	My	23/10/1997	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
98	Phạm Thị	Tâm	22/8/1995	Nữ	Thanh Hóa	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
99	Trần Thế	Tùng	16/10/1993	Nam	Nam Định	Ths; ĐH	CQ	Hóa học; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
100	Ngô Phương	Thúy	12/01/2023	Nữ	Thị trấn Đông Anh, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
101	Đào Thanh	Thúy	26/12/1992	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
102	Ngô Thị Ngọc	Trâm	12/10/2000	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
103	Đỗ Thị	Hào	22/3/1997	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Việt Hưng	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Điện ưu tiên
104	Lê Quốc	Huy	02/01/1997	Nam	Văn Điển, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Việt Hưng	
105	Trịnh Ngọc	Huyền	13/9/1999	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Việt Hưng	
106	Trần Thị	Hương	20/8/1996	Nữ	Ninh Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Việt Hưng	
107	Âu Thu	Hường	01/11/1995	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Việt Hưng	
108	Nguyễn Thị	Nhung	10/7/1996	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Việt Hưng	
109	Nguyễn Thị	Nhung	10/11/1992	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	Ths; ĐH	CQ	Hóa lý thuyết và hóa lý; Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Việt Hưng	
110	Nguyễn Thị Kim	Thoa	12/5/1997	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Việt Hưng	
111	Trần Thị	Nhung	12/10/1987	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Thiết kế thời trang; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Họa	2	Thạch Bàn	
112	Phùng Thị Thanh	Hoa	27/5/1988	Nữ	Văn Võ, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Mỹ thuật	GV	Họa	2	Thanh Am	
113	Nguyễn Thị Hương	Nhung	01/11/1983	Nữ	Khuong Trung, Thanh Xuân	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Mỹ thuật; Thiết kế thời trang	GV	Họa	2	Phúc Đồng	
114	Nguyễn Thị Minh	Châu	28/11/1992	Nữ	Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân	Ths; ĐH	CQ	Vật lý chất rắn; Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất	
115	Đinh Hồng	Hạnh	03/02/1991	Nữ	Phù Lỗ, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Vật lý; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Lý	2	Gia Quất	
116	Nguyễn Thị	Huyền	04/5/1998	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất	
117	Phạm Thị	Linh	12/10/1996	Nữ	Thanh Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất	
118	Nguyễn Thị	Ngọc	20/02/1994	Nữ	Hoàng Long, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất	
119	Đỗ Thị	Nhung	24/01/1985	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	Ths; ĐH	CQ	Vật lý chất rắn; Vật lý chất rắn; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Lý	2	Gia Quất	
120	Nguyễn Thị	Trà	10/04/1998	Nữ	Trung Oai, Tiên Dương	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Gia Quất	
121	Lê Phương	Anh	20/01/1995	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
122	Nguyễn Khải	Hoàn	20/11/1986	Nữ	Hải Phòng	Ths; ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
123	Nguyễn Thị	Huế	26/7/1993	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	Ths; ĐH	CQ	Vật lý chất rắn; Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
124	Phan Văn	Huỳnh	20/11/1987	Nam	Thái Bình	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý; Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
125	Dương Thùy	Linh	14/8/1994	Nữ	Đa Tốn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
126	Nguyễn Văn	Ly	23/8/1999	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
127	Đặng Thanh	Mai	28/01/1997	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
128	Bùi Thị	Nhung	25/12/1998	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
129	Đoàn Thị	Tiên	15/01/1995	Nữ	Phượng Dực, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
130	Ngô Thị Thu	Trang	01/01/1994	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
131	Ngô Thị	Xuân	11/02/1994	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Vật lý	GV	Lý	2	Phúc Đồng	
132	Phùng Thị	Hoa	06/8/1997	Nữ	Vân Cồn, Hoài Đức	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh	GV	Sinh	2	Giang Biên	
133	Dương Thị	Nhung	16/7/1995	Nữ	Hà Nam	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Giang Biên	
134	Nguyễn Kim	Anh	09/9/1990	Nữ	Tân Triều, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
135	Nguyễn Thị	Hoa	24/07/1998	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
136	Vũ Thị	Hồng	09/5/1996	Nữ	Hưng Yên	ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học; Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
137	Lê Thị	Huyền	04/10/1996	Nữ	Thanh Hóa	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
138	Nguyễn Thị Thu	Huyền	29/12/1996	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
139	Nguyễn Thị Thành	Mơ	01/01/1997	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
140	Lò Thị	Ngắm	06/12/1997	Nữ	Yên Bái	ĐH	CQ	Sinh học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	DTTS
141	Nguyễn Thị Thanh	Phượng	09/4/1995	Nữ	Xuân Thu, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
142	Vũ Thị Thanh	Thanh	21/12/1996	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Sinh học	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
143	Nguyễn Thị Hải	Yến	01/9/1992	Nữ	Phúc Tiến, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sinh học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
144	Trần Văn	Chanh	20/7/1993	Nam	Khai Thái, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Bồ Đề	
145	Lý Thị	Hậu	16/05/1998	Nữ	Thanh Hà, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử chất lượng cao	GV	Sử	2	Bồ Đề	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
146	Quán Thị	Khoái	20/01/1993	Nữ	Tân Dân, Phú Xuyên	ĐH	VHVL	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Bồ Đề	
147	Trần Văn	Kiên	24/01/2000	Nam	Xuân La, Tây Hồ	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Cự Khối	
148	Vũ Thị Thúy	Nga	13/6/1998	Nữ	Phủ Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Cự Khối	
149	Lê Thị	Hải	29/11/1988	Nữ	Cổ Loa, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Gia Quất	
150	Phùng Thùy	Linh	16/10/1994	Nữ	Vân Phúc, Phúc Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Gia Quất	
151	Bùi Thị	Viên	15/8/1987	Nữ	Hợp Tiến, Mỹ Đức	ĐH	CQ	Lịch sử, Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm	GV	Sử	2	Gia Quất	
152	Tạ Mỹ	Giang	01/8/1994	Nữ	Nghĩa Hương, Quốc Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Lê Quý Đôn	
153	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	04/5/2000	Nữ	Chương Dương, Hoàn Kiếm	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Lê Quý Đôn	
154	Nguyễn Thị	Phượng	25/9/1990	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Lê Quý Đôn	
155	Nguyễn Tài	Dũng	13/02/1987	Nam	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Luật Kinh doanh; Điện tử viễn thông; Chứng chỉ thư viện, thiết bị trường học	NV	TB	2	Lê Quý Đôn	
156	Bùi Tuấn Phương	Anh	21/01/1994	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bồ Đề	
157	Tạ Ngọc	Anh	12/6/2000	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bồ Đề	
158	Nguyễn Thị Nguyệt	Anh	25/11/1999	Nữ	Cầu Dền, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bồ Đề	
159	Nguyễn Thị	Chinh	19/10/1995	Nữ	Tân Dân, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bồ Đề	
160	Phạm Thị Thu	Hà	12/9/1994	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bồ Đề	
161	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	21/11/1994	Nữ	Liên Trung, Đan Phượng	Ths; ĐH	CQ	Toán giải tích; Toán học; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Toán	2	Bồ Đề	
162	Lê Thu	Hà	13/4/1994	Nữ	Trầu Quỳ, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bồ Đề	
163	Phạm Mỹ	Hà	13/3/2000	Nữ	Nam Triều, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Bồ Đề	
164	Lưu Thị	Hằng	15/12/1996	Nữ	Bắc Sơn, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bồ Đề	
165	Phạm Thanh	Hậu	14/12/1991	Nữ	Thanh Nhân, Hai Bà Trưng	ĐH	VHVL	Phương pháp dạy học môn Toán	GV	Toán	2	Bồ Đề	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
166	Nguyễn Thị	Hiền	28/5/1998	Nữ	Quảng Bị, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
167	Đoàn Thị	Hiền	03/3/1989	Nữ	Đại Cường, Ứng Hòa	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
168	Nguyễn Thị	Hiền	27/10/1999	Nữ	Yên Nghĩa, Hà Đông	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
169	Vũ Thị Thu	Hiền	17/12/1992	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	Ths; ĐH	CQ	Toán Giải tích; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
170	Vũ Thanh	Hoài	30/03/1989	Nữ	Quốc Tử Giám, Đống Đa	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
171	Nguyễn Thu	Huyền	21/9/1999	Nữ	Yên Bài, Ba Vì	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
172	Trần Thị Thu	Hương	03/5/1993	Nữ	Trần Phú, Hoàng Mai	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
173	Đinh Thị Diệu	Linh	29/4/1997	Nữ	Phượng Dục, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
174	Bùi Khánh	Ly	30/06/1998	Nữ	Trung Giã, Sóc Sơn	Ths; ĐH	CQ	Toán học; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
175	Lê Trà	My	28/10/1998	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
176	Nguyễn Hoài	Nam	13/9/1999	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
177	Nguyễn Văn	Niên	12/10/1993	Nam	Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
178	Chu Thị Thanh	Nga	01/5/1991	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
179	Lê Thị Hồng	Ngọc	14/8/1993	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
180	Ngô Thị	Ngọc	27/7/1996	Nữ	Việt Hùng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
181	Nguyễn Thị	Nhung	31/8/1995	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
182	Nguyễn Thu	Phương	16/11/1994	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
183	Thắm Thạch	Thảo	29/07/1996	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
184	Đỗ Thị	Thúy	29/02/1988	Nữ	Đồng Quang, Quốc Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
185	Trương Thị	Thúy	19/8/1995	Nữ	Hoàng Văn Thị, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
186	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/5/1992	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
187	Vũ Thị Huyền	Trang	26/10/2000	Nữ	Mình Cường, Thương Tín	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
188	Vương Thị Huyền	Trang	10/11/1999	Nữ	Liên Hiệp, Phúc Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
189	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/11/1999	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
190	Nguyễn Kiều	Trình	15/05/1998	Nữ	Thương Thanh, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
191	Dương Thị	Trình	13/01/1994	Nữ	Thái Nguyên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
192	Hoàng Thanh	Xuân	25/08/1998	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Bỏ Đề	
193	Nguyễn Thị Tú	Anh	27/5/1998	Nữ	Kiều Kỵ, Gia Lâm	CĐ	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối	
194	Tăng Thị	Đức	16/9/1988	Nữ	Hương Ngải, Thạch Thất	Ths; ĐH	CQ	Toán giải tích; Toán học Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Toán	2	Cự Khối	
195	Bùi Thị	Hoài	01/7/1994	Nữ	Bắc Giang	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối	
196	Nguyễn Thị	Huế	27/3/1991	Nữ	Thái Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối	
197	Nguyễn Ngọc	Mai	09/02/1994	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối	
198	Kim Thị	Mai	21/8/1995	Nữ	Hát Môn, Phúc Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối	
199	Lê Thị	Mai	05/12/1994	Nữ	Thanh Mai, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối	
200	Phạm Thanh	Thương	26/11/1995	Nữ	Tân Mai, Hoàng Mai	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối	
201	Nguyễn Hải	Yến	07/09/1994	Nữ	Kim Lam, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Cự Khối	
202	Nguyễn Hùng	Anh	05/11/1995	Nam	Phúc Xá, Ba Đình	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Long Biên	
203	Hoàng Việt	Anh	07/9/1995	Nam	Vĩnh Phúc	Ths; ĐH	CQ	Toán giải tích; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Long Biên	
204	Nguyễn Huy	Du	20/06/2000	Nam	Bích Hòa, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Long Biên	
205	Đào Hồng	Liên	20/01/2000	Nữ	Đông Hội, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Long Biên	
206	Trịnh Thị Ánh	Ngọc	19/10/1997	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Long Biên	
207	Nguyễn Thị	Phương	06/10/1996	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Long Biên	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
208	Nguyễn Huyền	Phương	16/01/1998	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Long Biên	
209	Lý Trần Phương	Trang	24/08/2000	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Long Biên	
210	Lê Huyền	Trang	07/05/1996	Nữ	Quan Hoa, Cầu Giấy	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Long Biên	
211	Vũ Thùy	Anh	25/9/1993	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
212	Nguyễn Thị Vân	Anh	15/11/1994	Nữ	Giang Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
213	Phạm Kim	Dung	19/9/1995	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
214	Nguyễn Khánh	Huyền	26/11/1999	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
215	Phạm Ngọc Quỳnh	Hương	17/11/1997	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
216	Khuất Thị Thu	Hương	25/9/1999	Nữ	Phúc Thọ, Phúc Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
217	Nguyễn Hồng	Linh	13/9/1996	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
218	Nguyễn Văn	Minh	20/8/2000	Nam	Vĩnh Phúc	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
219	Nguyễn Mai	Nga	25/10/1997	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
220	Trương Yến	Nhi	27/3/1996	Nữ	Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
221	Nguyễn Thị	Sinh	04/6/1999	Nữ	Xuân Nộn, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
222	Trần Minh	Sơn	30/07/1998	Nam	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
223	Dương Huyền	Trang	11/10/1997	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
224	Huỳnh Thị	Vu	20/02/1986	Nữ	Quảng Ngãi	Ths; ĐH	CQ	Toán ứng dụng; Toán - Tin học; Chứng chỉ Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Nguyễn Bình Khiêm	
225	Nguyễn Phương	Anh	20/01/2000	Nữ	Yên Sở, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
226	Phùng Thị	Ba	26/01/1993	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
227	Lê Thị	Bắc	28/12/1984	Nữ	Khai Thái, Phú Xuyên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
228	Lê Thị Thủy	Hằng	20/9/1999	Nữ	Trần Phú, Chương Mỹ	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
229	Trịnh Thị	Hằng	17/10/1991	Nữ	Giáp Bát, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
230	Nguyễn Thị	Hiền	16/7/1987	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	Ths; ĐH	CQ	Phương pháp toán sơ cấp; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
231	Đặng Phương	Hoa	14/09/1995	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học (Day toán bằng Tiếng Anh)	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
232	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	23/01/1996	Nữ	Đình Xuyên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
233	Bùi Thanh	Hương	31/01/1997	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
234	Lê Thị Thu	Hường	27/10/1985	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	Ths; ĐH	CQ	Toán học; Toán Tin ứng dụng; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
235	Hoàng Thị	Lan	23/11/1993	Nữ	Bắc Ninh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	DTTS
236	Thắm Thành	Lâm	06/12/1998	Nam	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
237	Nguyễn Thùy	Linh	19/9/1996	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
238	Vũ Kiều Khánh	Linh	26/11/2000	Nữ	Trâu Quỳ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
239	Bùi Diệu	Linh	06/11/1994	Nữ	Trung Phụng, Đống Đa	Ths; ĐH	CQ	Lý luận về phương pháp dạy học bộ môn Toán; Sư phạm Toán học;	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
240	Nguyễn Thị	Loan	12/7/1994	Nữ	Tả Thanh Oai, Thanh Trì	Ths; ĐH	CQ	Hình học và Tốpô; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
241	Trịnh Thị	Luyến	06/11/1989	Nữ	Lĩnh Nam, Hoàng Mai	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	CTB
242	Nguyễn Thị Phương	Mai	02/11/1997	Nữ	Liên Hà, Đan Phượng	Ths; ĐH	CQ	Toán giải tích; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
243	Đặng Trà	Mi	24/12/1992	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
244	Nguyễn Thị	Minh	05/10/1996	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
245	Hoàng Hà	My	01/10/1996	Nữ	Cửa Nam, Hoàn Kiếm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
246	Đặng Thị	Nga	13/5/1981	Nữ	Xuân Tiên, Chương Mỹ	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Thạch Bàn	CTB
247	Nguyễn Thị Thu	Ngân	04/9/1992	Nữ	Đông Tiễn, Ứng Hòa	Ths; ĐH	CQ	Toán giải tích; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
248	Nguyễn Xuân	Phương	19/6/1997	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
249	Hoàng Bích	Phương	19/12/1999	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
250	Nguyễn Minh	Quân	19/9/1996	Nam	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
251	Bùi Kim	Quý	03/8/1999	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Thạch Bàn	CTB
252	Nguyễn Thị	Thảo	10/4/1989	Nữ	Văn Đức, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
253	Trần Thị Minh	Trang	20/08/2000	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
254	Ấu Thị Hoàng	Yến	03/11/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thạch Bàn	
255	Đào Thị Quỳnh	Anh	23/5/1992	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
256	Trần Hải	Anh	14/7/1997	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
257	Hoàng Minh	Giang	12/10/2000	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
258	Đinh Thúy	Hà	12/5/1993	Nữ	Mai Lâm, Đông Anh	ĐH	CQ	Toán học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
259	Đỗ Thị Mỹ	Hoa	14/01/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
260	Nguyễn Thanh	Hoa	30/01/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
261	Trần Thu	Huyền	15/7/1999	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
262	Nguyễn Thị	Huyền	04/7/1991	Nữ	Long Xuyên, Phúc Thọ	Ths; ĐH	CQ	Toán giải tích; Sư phạm Toán học;	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
263	Đặng Trường	Hung	25/6/2000	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
264	Nguyễn Khánh	Linh	02/02/1999	Nữ	Yên Viên, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
265	Nguyễn Thị	Lựu	26/02/1997	Nữ	Giang Biên, Long Biên	Ths; ĐH	CQ	Toán Ứng dụng; Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
266	Lại Thị Lệ	Nhi	01/12/2000	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
267	Hoàng Mai	Phương	28/6/1993	Nữ	Vĩnh Ngọc, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Toán	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
268	Nguyễn Thị Minh	Phương	06/02/1994	Nữ	Việt Hưng, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
269	Ngô Thị	Tinh	08/5/1994	Nữ	Thụy Lâm, Đông Anh	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
270	Nguyễn Mạnh	Toàn	05/12/1993	Nam	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
271	Nguyễn Thị	Thùy	12/01/1995	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
272	Đỗ Thu	Thùy	04/3/2000	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
273	Lê Thị Xuân	Trang	22/11/1995	Nữ	Kiều Kỵ, Gia Lâm	ĐH	VHVL	Sư phạm Toán học	GV	Toán	2	Thượng Thanh	
274	Lê Thu	Trang	04/12/1990	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	ĐH	CQ	Quản trị nhân lực; Chứng chỉ nghiệp vụ thông tin thư viện	NV	TV	2	Gia Quất	
275	Nguyễn Thu	Thùy	27/12/1987	Nữ	Ngọc Lâm, Long Biên	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	2	Giang Biên	
276	Nguyễn Thị	Huyền	10/8/1984	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	TC	CQ	Văn thư - Lưu trữ; Chứng chỉ Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	2	Lê Quý Đôn	
277	Nguyễn Thị Xuân	Nụ	25/8/1996	Nữ	Lê Chi, Gia Lâm	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TV	2	Lê Quý Đôn	
278	Phạm Thị	Mừng	01/8/1991	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Kinh doanh xuất bản phẩm; Chứng chỉ thư viện	NV	TV	2	Lý Thường Kiệt	
279	Đoàn Phương	Anh	16/4/1999	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
280	Nguyễn Thị Kim	Anh	01/08/1994	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
281	Đào Minh	Châu	18/10/2000	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
282	Thạch Thủy	Hằng	17/10/1997	Nữ	Dương Hà, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
283	Dương Anh	Hoa	29/11/1998	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
284	Lê Ngọc	Huyền	13/9/1999	Nữ	Phú Thị, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
285	Ngô Thanh	Hường	07/6/1998	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
286	Chu Thị Thủy	Linh	25/02/2000	Nữ	Nghĩa Tân, Cầu Giấy	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
287	Trần Thị Hương	Ly	16/02/1998	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
288	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	22/11/1991	Nữ	Yết Kiêu, Hà Đông	Ths; ĐH	CQ	Văn học Việt Nam (trung đại); Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
289	Nguyễn Thu	Trang	20/3/1996	Nữ	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Lê Quý Đôn	
290	Trần Linh	Chi	26/12/1999	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
291	Dương Thị Thanh	Chúc	12/8/1995	Nữ	Hòa Lâm, Ứng Hòa	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
292	Nguyễn Thùy	Dương	26/07/1993	Nữ	Phạm Đình Hồ, Hai Bà Trưng	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
293	Nguyễn Lê	Hằng	22/01/1995	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
294	Lê Thị	Hòa	16/12/1997	Nữ	Bắc Ninh	Ths; ĐH	CQ	Văn học Việt Nam hiện đại; Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
295	Phan Văn	Huấn	13/10/1981	Nam	Bắc Hồng, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
296	Lưu Thị Phương	Linh	20/01/1998	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
297	Triệu Thị Ngọc	Linh	28/12/1994	Nữ	Phú Thọ	ĐH	Ths; CQ	Lý luận Văn học; Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
298	Chu Thị	Linh	09/12/1996	Nữ	Lào Cai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	DTTS
299	Hoàng Thị	Minh	07/11/1989	Nữ	Ngọc Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
300	Âu Hạnh	Ngân	24/02/1998	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
301	Đặng Bích	Ngọc	09/01/1998	Nữ	Yên Phụ, Hồ Tây	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
302	Đào Thị Bích	Phương	04/3/1998	Nữ	Sài Đồng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
303	Nguyễn Thúy	Quỳnh	12/02/1999	Nữ	Ngọc Mỹ, Quốc Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
304	Nguyễn Anh	Tuấn	04/10/1989	Nam	Vĩnh Phúc	Ths; ĐH	CQ	Văn học Việt Nam; Văn học; Chứng chỉ nghiệp vụ Sư phạm	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
305	Phùng Thị	Tuyết	15/7/1997	Nữ	Phú Cát, Quốc Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
306	Nguyễn Thị	Tươi	14/11/2000	Nữ	Xuân Giang, Sóc Sơn	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
307	Đỗ Thị	Thuận	17/7/1987	Nữ	Tân Hòa, Quốc Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	CĐHH
308	Nguyễn Quỳnh	Trang	14/02/1998	Nữ	Tân Ước, Thanh Oai	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
309	Nguyễn Quỳnh	Trang	28/10/1999	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
310	Nguyễn Thị Thu	Vang	17/01/1998	Nữ	Hải Dương	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
311	Lê Cẩm	Vân	14/12/1999	Nữ	Kiều Kỵ, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	
312	Nguyễn Thị Hải	Yến	19/8/1996	Nữ	Phú Thọ	Ths; ĐH	CQ	Văn học Việt Nam; Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Ngọc Thụy	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
313	Nguyễn Thị Tuyết	Anh	20/01/2000	Nữ	Đặng Xá, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	
314	Nguyễn Thanh	Bình	09/01/1997	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	
315	Nguyễn Thùy	Dung	15/9/1999	Nữ	Thượng Thanh, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	
316	Nguyễn Lan	Hương	14/11/1987	Nữ	Phú Minh, Sóc Sơn	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	
317	Nguyễn Thùy	Linh	21/02/1998	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	
318	Đinh Thị	Luyến	27/3/1994	Nữ	Ninh Bình	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	DTTS
319	Đào Huyền	Nga	07/3/1996	Nữ	Thạch Bàn, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	
320	Trịnh Thị	Nghĩa	31/5/1993	Nữ	Liên Hà, Đông Anh	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	
321	Phùng Thị Anh	Ngọc	17/01/1989	Nữ	Nam Định	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	
322	Nguyễn Hồng	Ngọc	30/04/1997	Nữ	Cổ Bi, Gia Lâm	Ths	CQ	Sư phạm Ngữ Văn	GV	Văn	2	Sài Đồng	
323	Nguyễn Lương Quỳnh	Anh	10/11/1994	Nữ	Vân Hà, Phúc Thọ	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Thượng Thanh	
324	Nguyễn Hồng	Hà	01/02/1996	Nữ	Phúc Đồng, Long Biên	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Thượng Thanh	
325	Nguyễn Thị	Nga	15/9/1988	Nữ	Tam Hưng, Thanh Oai	ĐH	VHVL	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Thượng Thanh	
326	Chu Thị	Thanh	02/12/1999	Nữ	Phúc Lợi, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Thượng Thanh	
327	Lê Thị	Thúy	23/3/1993	Nữ	Việt Hưng, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Thượng Thanh	
328	Lê Thu	Trang	08/9/1998	Nữ	Bồ Đề, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Thượng Thanh	
329	Nguyễn Hải	Yến	30/6/2000	Nữ	Cự Khối, Long Biên	ĐH	CQ	Văn học; Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm	GV	Văn	2	Thượng Thanh	
330	Nguyễn Hoàng	Yến	19/3/1999	Nữ	Đức Giang, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV	Văn	2	Thượng Thanh	
331	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	17/02/1991	Nữ	Vĩnh Tuy, Hai Bà Trưng	ĐH	CQ	Sư phạm kĩ thuật	GV	KTCN	2	Sài Đồng	
332	Vũ Thị	Hạnh	22/11/1980	Nữ	Long Biên, Long Biên	ĐH	CQ	Kế toán, Chứng chỉ Văn thư lưu trữ	NV	VT	2	Nguyễn Bình Khiêm	
333	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	02/7/1988	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	TC	CQ	Văn thư lưu trữ	NV	VT	2	Nguyễn Bình Khiêm	
334	Đinh Thị Minh	Quyên	05/10/1983	Nữ	Hương Sơn, Mỹ Đức	ĐH	VHVL	Tiếng Anh	GV	Anh	2	Thượng Thanh	

Số TT	Họ và tên		Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Hộ khẩu thường trú	Trình độ đào tạo	Hệ đào tạo	Ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Chức danh nghề nghiệp đăng ký thi tuyển	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học	Trường đăng ký thi tuyển	Diện ưu tiên
335	Hoàng Thị	Hiệp	03/01/1993	Nữ	Thái Nguyên	Ths; ĐH	CQ	Triết học; Sư phạm Triết học	GV	GD CD	2	Nguyễn Bình Khiêm	
336	Trần Kiều	Oanh	03/10/1999	Nữ	Dương Quang, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Hóa học	GV	Hóa	2	Sài Đồng	
337	Đỗ Thị	Dung	23/01/1991	Nữ	Giang Biên, Long Biên	Ths; ĐH	CQ	Môi trường công nghiệp; Địa Sinh thái	GV	Sinh	2	Lê Quý Đôn	
338	Phùng Thị Bích	Huyền	08/3/1997	Nữ	Phủ Đông, Ba Vì	Ths; ĐH	CQ	Lịch sử Việt Nam; Sư phạm Lịch sử	GV	Sử	2	Ngọc Thụy	
339	Nguyễn Văn	An	18/02/1984	Nam	Ngọc Thụy, Long Biên	TC	CQ	Thư viện - Thiết bị trường học	NV	TB	2	Thanh Am	
340	Đinh Thị	Lan	02/12/1985	Nữ	Hòa Nam, Ứng Hòa	ĐH	VHVL	Tin học ứng dụng	GV	Tin	2	Thượng Thanh	
341	Trần Phương	Anh	06/5/1997	Nữ	Ngũ Hiệp, Thanh Trì	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học; Chứng chỉ hành chính - văn thư - lưu trữ	NV	TV	2	Lý Thường Kiệt	
342	Nguyễn Thị	Hường	27/05/1994	Nữ	Tân Lập, Đan Phượng	Ths; ĐH	CQ	Hóa vô cơ; Hóa học; Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm	GV	Văn hóa	2	Lý Thường Kiệt	
343	Nguyễn Thị Thúy	Hương	26/8/1987	Nữ	Dương Xá, Gia Lâm	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học; Sư phạm Hóa học	GV		2	Bồ Đề	
344	Đỗ Thị Thanh	Xuân	06/11/1998	Nữ	Gia Thụy, Long Biên	ĐH	CQ	Sư phạm Toán học	GV		2	Bồ Đề	
345	Nguyễn Thị Mai	Lan	26/01/1994	Nữ	Dịch Vọng, Cầu Giấy	Ths; ĐH	CQ	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán; Sư phạm Toán	GV		2	Bồ Đề	
346	Nguyễn Thị Huyền	Trang	04/10/1999	Nữ	Phủ Đông, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn	GV		2	Ngọc Thụy	
347	Nguyễn Thùy	Dung	22/02/2000	Nữ	Yên Thường, Gia Lâm	ĐH	CQ	Sư phạm Ngữ văn (Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học)	GV		2	Ngọc Thụy	
348	Nguyễn Đức	Trọng	18/09/1985	Nam	Kim Sơn, Gia Lâm	ĐH	LTCQ	Giáo dục thể chất	GV		2	Phúc Lợi	